TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 25-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Bé Em
2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 73/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn***:** Chị **Trần Thị Hồng G**, sinh năm 1993 (có mặt)
Địa chỉ: Số 624 đường D, phường R, tỉnh A.
*2. Bị đơn***:** Anh **Châu Thanh T,** sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 1139/16 đường M, phường R, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Hồng G trình bày:

Chị và anh Châu Thanh T sau một thời gian quen biết và tìm hiểu nhau đã tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/12/2015. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2018 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm; nguyên nhân mâu thuẫn là về vấn đề kinh tế trong gia đình, anh T

thường đi làm ăn xa, không chăm lo cho gia đình, không trợ giúp kinh tế cho chị G. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Do nhận thấy không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị G muốn ly hôn với anh T. Chị G xác nhận vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Châu Ngọc T1, sinh ngày 02/5/2016.

Chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Châu Thanh T; Về con chung: Chị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Châu Thanh T là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, tống đạt thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn đã được tống đạt hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hồng G đối với anh Châu Thanh T; chấp nhận việc giao con chung là Châu Ngọc T1, sinh ngày 02/5/2016 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết. Nguyên đơn chị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Thủ tục tố tụng:*

Chị Trần Thị Hồng G yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Châu Thanh T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Châu Thanh T là bị đơn cư trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang; căn cứ quy định tại Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025, có hiệu lực thi hành ngày 0/7/2025; thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Châu Thanh T như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên, anh T không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị G giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh T.

[2] *Nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng G và anh Châu Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh K (nay là phường R, tỉnh A) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/12/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Tại phiên toà, chị G xác định nguyên nhân yêu cầu ly hôn là vì mâu thuẫn kinh tế gia đình, giữa chị và anh T không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc; vợ chồng sống ly thân đến nay đã 07 năm và không thể hàn gắn được tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do anh T vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, chị G xác định giữ nguyên ý kiến muốn chấm dứt hôn nhân với anh T, Hội đồng xét xử dựa trên nguyên tắc tự nguyện trong hôn nhân, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị G và anh T có 01 người con chung tên Châu Ngọc T1, sinh ngày 02/5/2016. Xét thấy trong thời gian chị G và anh T sống ly thân với nhau cho đến nay, do anh T đi làm ăn xa thường xuyên vắng nhà thời gian dài nên không thể trực tiếp chăm sóc con; chị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T không

có ý kiến gì đối với việc nuôi dưỡng con; chị G xác định có đủ điều kiện chăm sóc tốt cho con về mọi mặt; ngoài ra để cháu T1 được tiếp tục ổn định với sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hiện tại và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T1 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị G không có yêu cầu.

Chị G cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị G xác định không có và không yêu cầu; nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Đối với bị đơn anh Châu Thanh T, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó";* trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không không có sự phản đối nào đối với yêu cầu và các chứng cứ của nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu anh T có tranh chấp về thay đổi quyền con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000984 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), chị G đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng G đối với bị đơn anh Châu Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng G được ly hôn với anh Châu Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Ngọc T1, sinh ngày 02/5/2016 cho chị Trần Thị Hồng G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Chị G cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị G có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000984 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - An Giang), chị G đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 1 – An Giang;
- THADS khu vực 1 – An Giang;
- UBND phường Rạch Giá;
- Lưu.